TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNGNGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 151/2022/HS-ST
Ngày: 22-12-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Phan Thị Khánh Phượng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Quỳnh Nương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 188/2022/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 582/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê T**, sinh ngày 06-12-1984, nơi sinh tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không, trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H và bà Phạm Thị R; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 3 anh, em. Có vợ là Nguyễn Thị K (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 21/9/2007 Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt bị cáo Lê T 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội *"Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"* (theo Bản án số 28/2007/HSST), chấp hành xong án phạt tù cho hưởng án treo vào ngày 21/9/2010, chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-7-2022 đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm: 1973 và ông Lê Văn Tr; sinh năm: 1969; cùng địa chỉ: Tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1967; địa chỉ: Tổ 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê H, sinh năm: 1964 và bà Phạm Thị R, sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Mai Xuân T; sinh năm: 1977; nơi cư trú: tổ 05, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê T có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội với vợ chồng ông Lê Văn Tr, bà Nguyễn Thị Thúy V và ông Nguyễn Văn M. Lê T quen biết với ông Mai Xuân T là nhân viên đo đạc đất thuộc Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi. Lê T nói với ông T trong quá trình đi đo đạc đất, có thửa đất nào giá cả hợp lý thì giới thiệu cho Lê T mua lại. Tháng 6/2019, ông T đi đo đạc đất tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi thì quen biết với ông Đỗ Ngọc A (sinh năm: 1958; nơi cư trú: thôn Ng, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi). Ông Đỗ Ngọc A có quyền sử dụng thửa đất số 881, tờ bản đồ số 17, diện tích 530m^2, địa chỉ tại xã T, huyện S, tỉnh Q. Ông Anh liên hệ với ông T để bán thửa đất trên cho ông T hoặc ông T biết người nào cần mua thì giới thiệu cho ông A. Khi biết ông A có nhu cầu bán thửa đất số 881, ông T giới thiệu cho Lê T mua thửa đất trên. Ông T đưa cho Lê T xem bản đồ quy hoạch thửa đất số 881 của ông Anh và dẫn Lê T đến xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xem thửa đất số 881. Ông T nói cho Lê T biết thửa đất số 881 là loại đất nông nghiệp, không chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở được và giá trị của thửa đất số 881 từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng. Thời điểm này, Lê T làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, bằng cách rủ ông Tr và ông M góp tiền mua thửa đất số 881 nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của ông M và ông Tr để trả nợ và tiêu xài.

Khi Lê T rủ ông Tr và ông M góp tiền mua thửa đất số 881, ông Tr trao đổi với vợ mình là bà V, bà V đồng ý mua. Để tạo sự tin tưởng, Lê T đưa bản đồ quy hoạch thửa đất số 881 cho vợ chồng ông Tr, bà V và ông M xem. Mặc dù, Lê T biết thửa đất số 881 là loại đất nông nghiệp, không chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở được nhưng Lê T nói dối với vợ chồng ông Tr, bà V và ông M về việc sau khi góp tiền mua thửa đất số 881, Lê T sẽ làm các thủ tục pháp lý để chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp thành đất ở, tách thành 03 thửa đất với 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm cho vợ chồng ông Tr, bà V và ông M tin tưởng. Lê T đưa ra giá trị của thửa đất số 881 là 150.000.000 đồng, vợ chồng ông Tr, ông M và Lê T mỗi người góp số tiền 50.000.000 đồng để mua lại thửa đất số 881. Lê T dẫn ông Tr và ông M đến xã T, huyện S, tỉnh Quảng

Ngãi xem thửa đất số 881. Sau khi xem thửa đất xong, vợ chồng ông Tr, bà V và ông M hoàn toàn tin tưởng nên đồng ý góp tiền cùng với Lê T mua thửa đất số 881. Ngày 26/6/2019, Lê T đến nhà bà V, yêu cầu bà V đưa số tiền 50.000.000 đồng cho Lê T để góp tiền mua thửa đất số 881. Bà V sử dụng dịch vụ chuyển tiền trên điện thoại di động, chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng từ tài khoản số 0271000200360 của bà V đến tài khoản số 0271001028217 của Lê T. Ngày 12/7/2019, ông M mang số tiền 50.000.000 đồng đến nhà trọ của Lê T ở tổ 05, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đưa cho Lê T để góp tiền mua thửa đất số 881. Sau khi nhận tiền của bà V và ông M, Lê T không mua thửa đất số 881 như đã thỏa thuận. Đến đầu tháng 01/2020, bà V và ông M yêu cầu Lê T cho xem hợp đồng mua bán thửa đất số 881. Vì sợ bị phát hiện hành vi lừa đảo nên Lê T làm giả hợp đồng mua bán thửa đất số 881 để đưa cho bà V và ông M xem. Lê T tự viết "Giấy bán đất" với nội dung ngày 08/9/2019, ông Nguyễn H1 (sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) là chủ thửa đất số 881, diện tích 530m^2 đã bán lại cho Lê T với giá là 150.000.000 đồng rồi đưa cho bà V và ông M xem. Bằng thủ đoạn gian dối trên, Lê T đã chiếm đoạt của bà V số tiền 50.000.000 đồng và chiếm đoạt của ông M số tiền 50.000.000 đồng. Một thời gian sau, bà V và ông M biết Lê T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình nên nhiều lần yêu cầu Lê T trả lại tiền nhưng Lê T không trả. Sau đó, bà V và ông M tố cáo Lê T có hành vi *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã T hành xác M và xác định không có thông tin ông Nguyễn H1 (sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) như trong nội dung "Giấy bán đất" mà bị cáo Tự đưa cho bà V và ông M xem.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi T hành làm việc với ông Đỗ Ngọc A. Ông A khai là chủ quyền sử dụng thửa đất số 881, tờ bản đồ số 17, diện tích 530m^2, địa chỉ tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Ông A quen biết với ông Mai Xuân T. Ông Anh có nhu cầu bán thửa đất trên cho ông T hoặc ông T biết người nào cần mua thì giới thiệu cho ông Anh bán lại. Từ trước đến nay ông Anh không biết Lê T và không gặp Lê T để thỏa thuận về việc mua bán thửa đất số 881.

Tại Công văn số 55/VCB.QNG-KT ngày 08/3/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi xác định tài khoản số 0271001028217 thuộc quyền sở hữu của Lê T. Kết quả sao kê tài khoản số 0271001028217 thể hiện ngày 26/6/2019, bà Nguyễn Thị Thúy V chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng, từ tài khoản số 0271000200360 của bà V đến tài khoản số 0271001028217 của bị cáo Tự.

Tại Công văn số 481/TNMT ngày 14/6/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xác định như sau:

+ Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Tịnh được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 thì thửa đất số 881, diện tích 530m^2, tờ bản đồ địa chính số 17, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh được quy hoạch dự án Khu dân cư OM15.

+ Theo hồ sơ địa chính thửa đất số 881, tờ bản đồ địa chính số 17 (đo đạc năm 1996), diện tích 530m^2, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh thuộc loại đất trồng cây hàng năm khác. Thửa đất nêu trên thuộc quy hoạch dự án Khu dân cư OM15 do đó không đủ điều kiện để chuyển mục đích sử dụng đất.

Kết quả trưng cầu giám định:

Bà Nguyễn Thị Thúy V giao nộp cho Cơ quan điều tra 01"Giấy bán đất" đề ngày 08/9/2019 giữa ông Nguyễn H1 và Lê T (Bản in màu) và 01 USB có chứa dữ liệu 01 tập tin hình ảnh tên "GIẤY BÁN ĐẤT". Cơ quan điều tra xác định, sau khi nhận của bà V và ông M tổng số tiền 100.000.000 đồng. Lê T không mua thửa đất số 881, diện tích 530 m^2, địa chỉ tại xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi như đã thỏa thuận. Bà V và ông M yêu cầu Lê T cho xem giấy tờ mua bán thửa đất số 881. Lê T tự làm giả "Giấy bán đất" thửa đất số 881 rồi đưa cho bà V và ông M xem. Bà V dùng điện thoại di động chụp lại hình ảnh "Giấy bán đất". Sau đó, bà V in màu "Giất bán đất" và trích xuất hình ảnh "Giấy bán đất" lưu trữ trong USB mang giao nộp cho Cơ quan điều tra để sử dụng làm chứng cứ.

Ngày 10/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi ra Quyết định số 102/QĐ-ĐTTH trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi giám định chữ viết trong "Giấy bán đất" mà bà V giao nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra. Tại Kết luận giám định số 218/KL-KTHS ngày 19/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận về đối tượng giám định như sau: Các chữ viết trong File ảnh có trong USB, nhãn hiệu Transcend 4GB, màu đen, đã qua sử dụng và trên tài liệu cần giám định là ảnh được in phun màu có cùng nội dung "Giấy bán đất" đề ngày 08-9-2019, ghi tên bên bán "Nguyễn H1" (ký hiệu A) với chữ viết trên 02 (hai) tài liệu mẫu so sánh có đầu đề "Bản tự khai" và "Biên bản ghi lời khai" ghi tên người khai Lê T, cùng đề ngày 27/12/2021 (ký hiệu M1, M2) là của cùng một người viết ra.

Cáo trạng số 126/CT-VKS ngày 30-9-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Lê T về tội:*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng và người có thẩm quyền T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người có thẩm quyền T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định:

Do làm ăn thua lỗ nên để có tiền trả nợ và tiêu xài, Lê T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà V, ông Tr và ông M. Trong thời gian tháng 6/2019, Lê T đưa ra thông tin gian dối về thửa đất số 881, diện tích 530m^2, địa chỉ tại xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi để lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Lê Văn Tr và chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn M tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Lê T, về tội:*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, làm cho quần chúng Nhân dân hoang mang lo sợ, nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần phải đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tiền án, tiền sự, nhân thân của bị cáo.

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 21/9/2007 Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt bị cáo Lê T 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội *"Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"*

(theo Bản án số 28/2007/HSST), chấp hành xong án phạt tù cho hưởng án treo vào ngày 21/9/2010, chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp *"Tái phạm"* là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Có 03 tình tiết. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại xong cho các bị hại, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có ông nội là Lê X được Nhà nước tặng kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày; Huy chương kháng chiến hạng nhất; bà nội Lê Thị C được tặng Huy chương kháng chiến, cô ruột Lê Thị H2 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, chú ruột Lê H3 được tặng kỷ niệm chương cựu chiến binh nên được áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về phần trách nhiệm dân sự của vụ án:

Bị cáo Lê T đã bồi thường cho bà V số tiền 15.000.000 đồng. Cha bị cáo là ông Lê H1 đã bồi thường cho bà V, ông Tr số tiền 35.000.000 đồng, bồi thường cho ông M số tiền 50.000.000 đồng. Các bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên không xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội:*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2. Xử phạt: Bị cáo Lê T 02 (hai) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2022.

3. Về án phí: Bị cáo Lê T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Thành phố. Quảng Ngãi;
- CQcảnh sát điều tra Công an Tp.Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Quảng Ngãi;
- Phòng NVLT Công an Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan